TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 87/2020/HS-ST Ngày 31/8/2020	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Bùi Khánh Nam

+ Bà Lê Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đào, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện VKSND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Q (Tên gọi khác: Bờm), sinh năm 1994, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Khu phố 1, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Không rõ. Mẹ: Y, sinh năm 1968. Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 03 anh em.

Tiền án: 01. Ngày 29/01/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt 10 tháng tù giam về tội " Trộm cắp tài sản". Ngày 11/06/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 17/08/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng. Ngày 12/04/2017 được miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 18/12/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2/ T (Tên gọi khác: Tý Lụi), sinh năm 1992, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T, sinh năm 1958 và bà L, sinh năm 1964. Vợ: TT, sinh năm 1994. Có 01 con, sinh năm 2016.

Tiền án: 02.

+ Ngày 19/05/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt 06 tháng tù giam về tội " Trộm cắp tài sản". Ngày 13/07/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 29/01/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt 10 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 07/7/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 18/12/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3/ AT, sinh năm 1978, tại Quảng Trị. Nơi cư trú: Khu phố T, phường ST, thành phố K, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông K, sinh năm 1933 (Chết) và bà H, sinh năm 1933 (Chết). Chồng: Không có. Có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/4/2017, bị Công an thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/3/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Chị N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Chị L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố C, phường V, thành phố K tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2/ Anh T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 26, khu phố 2, phường XT, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 24 giờ ngày 17/12/2019, sau khi thấy nhà chị N, sinh năm 1971, ngụ tại khu phố 4, phường Xuân T, thành phố K không đóng cửa sổ thông

gió, Q đã gọi điện thoại rủ T tới để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ ngày 18/12/2019, T và Q hẹn nhau tại chân cầu vượt phường Xuân Bình rồi cùng nhau đi bộ đến nhà chị N. Khi đến nơi, Q ngồi xuống cho T đứng lên vai để trèo lên cửa sổ thông gió vào trong nhà rồi T đi xuống phòng khách mở cửa trước cho Q trèo hàng rào vào trong nhà. Cả hai đi lên lầu 1 thấy phòng ngủ của chị N mở cửa nên cả hai đã đi vào trong phòng. T lấy một điện thoại di động hiệu SamSung note FE màu đen, tiền mặt 450.000 đồng, 01 hộp giấy đựng 01 đồng hồ, 01 dây chuyền ngọc trai, 01 dây chuyền trắng, 01 dây chuyền trắng – vàng, 01 lắc tay, 01 dây chuyền cam, 01 mặt dây chuyền xanh, 01 mặt dây chuyền đỏ, 01 mặt dây chuyền đen trắng, 01 mặt dây chuyền đen vàng, 01 mặt ngọc xanh – vàng, 01 nhẫn hạt xanh trắng, 01 nhẫn hạt đen vàng, 01 nhẫn hạt trắng – trắng, 01 đôi bông tai hạt đen, 01 đôi bông tai hạt đỏ, 01 đôi bông tai xanh oval, 01 đôi bông tai xanh tròn, 01 đôi bông tai ngọc trai hồng, 01 nhẫn hột xanh – trắng, 01 mặt dây chuyền xanh lá, 01 mặt dây chuyền màu trắng, 01 nhẫn hạt tím, 01 nhẫn trắng, 01 đôi bông tai hạt vàng, 01 mặt dây chuyền hình oval lớn, 01 mặt hạt vàng hình oval, 01 nhẫn vàng, 01 đôi bông tai hạt trắng, 01 mặt dây chuyền hạt xanh trắng, 01 mặt dây chuyền hạt hồng trắng, 01 lắc tay hạt hồng đỏ trắng, 01 lắc tay hạt hồng trắng, 01 đôi bông tai hạt xanh, 01 đôi bông tai hạt xanh oval, 01 nhẫn hạt hồng, 01 nhẫn hạt tam giác, 01 lắc tay hạt trắng, 01 lắc tay hạt đen, 01 mặt dây chuyền hạt xanh trắng, 01 mặt dây chuyền hạt xanh vàng, 01 nhẫn hạt trắng – trắng, 01 nhẫn hạt đen trắng, 01 nhẫn hạt trắng vàng oval, 01 mặt dây chuyền cam vàng, 01 mặt dây chuyền hình hoa, 01 nhẫn hạt xanh vàng, 01 nhẫn hạt xanh lá trắng, 01 nhẫn hạt tròn trắng, 01 mặt dây chuyền hạt đỏ trắng, 01 đôi bông tai hạt trắng vàng, 01 đôi bông tai hạt vàng vàng, 01 mặt dây chuyền hạt xanh tròn trắng, 01 bông tai hạt cam hình bông hoa, 01 bông tai hạt cam tròn, 01 nhẫn hạt đỏ vàng, 01 nhẫn hạt cam vàng, 01 lắc tay hạt cam vàng, 01 dây chuyền trắng, 01 day chuyền hạt trắng, 01 dây chuyền hạt vàng, 01 dây chuyền ngọc trai đen, 01 nhẫn hai hột trắng, 01 mặt dây chuyền trắng vàng tam giác. Q lấy 02 laptop hiệu DELL màu đỏ và đen. Sau đó, cả hai đi xuống dưới và leo qua tường rào tẩu thoát theo đường cũ về phòng trọ của T để phân chia tài sản. T lấy 01 dây chuyền ngọc trai, 01 dây chuyền trắng, 01 dây chuyền trắng vàng, 01 lắc tay, 01 mặt dây chuyền cam, 01 mặt dây chuyền xanh, 01 mặt dây chuyền đỏ, 01 mặt dây chuyền đen trắng, 01 mặt dây chuyền đen vàng, 01 mặt ngọc xanh vàng, 01 nhẫn hạt xanh trắng, 01 nhẫn hạt đen vàng, 01 nhẫn hạt trắng trắng, 01 đôi bông tai hạt đen, 01 đôi bông tai hạt xanh oval, 01 nhẫn hạt tím, 01 nhẫn trắng, 01 điện thoại SamSung Note FE màu đen, 01 đồng hồ hiệu MICHAEL KORS. Q lấy số tài sản còn lại và đưa cho P, sinh năm 1991, trú tại khu phố 2, phường XT, thành phố K cất giữ.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/12/2019, T gặp AT, sinh năm 1978, trú tại Khu phố T, phường ST, thành phố K và nhờ AT bán hộ hai đôi bông tai vàng có đính hạt xanh đỏ, 01 chiếc nhẫn vàng màu trắng. T đã nói với AT đây là tài sản do trộm cắp mà có nhưng AT vẫn đồng ý mang ra tiệm vàng Ngọc Châu, thuộc khu phố 1, phường XB, thành phố K bán và bị Cơ quan Công an phát hiện. Đến ngày 19/12/2019, anh TT là anh trai P đã đem số tài sản do P cất giữ

đến giao nộp cho Cơ quan điều tra. Hiện đối tượng P đã bỏ trốn, không xác định được ở đâu nên chưa làm việc được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/HĐĐGTTTHS ngày 27/2/2020 của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Long Khánh, kết luận tổng giá trị tài sản mà các bị can T, Q đã chiếm đoạt của chị N có trị giá 359.452.000 đồng (bao gồm đồng hồ, laptop, nữ trang và 450.000 đồng tiền mặt). Số nữ trang mà T đưa cho AT bán trị giá 7.433.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 65/CT-VKSLK ngày 11/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, truy tố các bị cáo T, Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 173 và truy tố bị cáo AT về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay: Các bị cáo T, Q thừa nhận toàn bộ quá trình trộm cắp tài sản của chị N như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời, cả 02 bị cáo đều khai nhận sau khi trộm cắp tài sản của chị N, Q đã mang 02 laptop hiệu DELL màu đỏ và đen đến bán cho P với giá 1.200.000 đồng, số tiền này các bị cáo đã chia nhau tiêu xài hết. Bị cáo AT thừa nhận biết tài sản do T nhờ bán là tài sản trộm cắp nhưng vì bị cáo T trình bày hoàn cảnh khó khăn, thấy thương nên mới đi bán dùm. Người bị hại và những người làm chứng vắng mặt nên không có lời trình bày, Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ tại cơ quan điều tra.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số: 65/CT-VKSLK ngày 11/6/2020 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015 đối với bị cáo T và bị cáo Q.

Xử phạt bị cáo T từ 07 đến 08 năm tù và xử phạt bị cáo Q từ 08 năm đến 08 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015 đối với bị cáo AT.

Xử phạt bị cáo AT từ 08 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền Q bán 02 máy tính cho P được 1.200.000 đồng, chia cho T 500.000 đồng do chưa làm việc được với P nên chưa có cơ sở xử lý, T khai lấy trộm được 450.000 đồng, bị hại là bà N không có yêu cầu trả lại nên không xem xét.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T, bị cáo Q và bị cáo Tuyết đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, cả 03 bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai nhận tội này phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

T và Q là các đối tượng nghiện ma túy. Vào khoảng 01 giờ ngày 18/12/2019, bị cáo T đã cùng bị cáo Q lén lút đột nhập vào nhà chị N, sinh năm 1971, trú tại khu phố 4, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai lấy trộm tiền, nữ trang, đồng hồ, điện thoại, máy tính xách tay của chị N với tổng giá trị tài sản là: 359.452.000 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng). Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/12/2019, T nhờ AT đi bán hộ 02 đôi bông tai đính hạt xanh đỏ và 01 chiếc nhẫn màu trắng. Biết tài sản do T trộm cắp mà có nhưng AT vẫn mang đến bán tại tiệm vàng Ngọc Châu và bị cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện.

Hành vi của bị cáo T và Q đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 3 Điều 173 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi bán tài sản do các bị cáo T và Q phạm tội mà có của bị cáo AT đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Cả 03 bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng tham lam, lười lao động, muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt tài sản của người khác. Do vậy, hành vi

phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Q có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý là tái phạm; bị cáo T có 02 tiền án, đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội của T là tái phạm nguy hiểm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Bị cáo Tuyết không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Riêng bị cáo AT còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại.

Bị cáo AT có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình nên việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là đủ nghiêm, tạo điều kiện cho bị cáo khắc phục lỗi lầm, lao động kiếm tiền nuôi 02 con ăn học. Do bị cáo AT không có việc làm ổn định nên miễn khấu trừ một phần thu nhập sung quỹ nhà nước đối với bị cáo.

Các bị cáo Q, T là đồng phạm trong tội "Trộm cắp tài sản", tính chất của tội phạm là rất nghiêm trọng, cả hai tham gia với vai trò là người thực hành. Mặc dù bị cáo Q là người giữ vai trò chính, rủ rê, chỉ địa điểm, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng bị cáo T là người thực hành tích cực, chính T là người trèo qua cửa sổ vào nhà, mở cửa chính cho Q vào và là người trực tiếp lấy trộm phần lớn tài sản trong vụ án. Ngoài ra, lần phạm tội này của Q là tái phạm còn T tái phạm nguy hiểm nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt như nhau, cần cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người biết tuân thủ pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo Q, T phải trả lại số tiền 450.000 đồng đã chiếm đoạt nên không xem xét.

[6] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 1.200.000 đồng mà các bị cáo T, Q khai có được từ việc bán 02 laptop của chị N cho P, các bị cáo đã chia nhau tiêu xài hết và P đã bỏ trốn nên khi nào làm việc được với P sẽ xem xét xử lý sau.

[7] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ tài sản thu giữ gồm nữ trang, đồng hồ, điện thoại, máy tính xách tay là tài sản hợp pháp của chị N, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chị N là phù hợp với quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt và trách nhiệm dân sự là có căn cứ và phù hợp một phần nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo T và bị cáo Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2019.

Xử phạt bị cáo Q 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo AT phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo AT 10 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Tuyết cho Ủy ban nhân dân phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Tuyết.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 ngày 30 /12 /2016 về án phí, lệ phí. Buộc các bị cáo T, Q, AT mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TPLK;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLK;
- Bị cáo; Nhà tạm giữ CATPLK;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đồng Thị Hương